

# BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG GẠO THÁNG 5/2019

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường gạo trong nước và thế giới.



# MỤC LỤC

## THẾ GIỚI

Tình hình sản xuất .....	4
Tình hình tiêu thụ .....	7
Diễn biến giá .....	10

---

## TRONG NƯỚC

Tình hình sản xuất .....	13
Tình hình sâu, dịch bệnh, thời tiết .....	14
Xuất khẩu .....	16
Tình hình thu mua của một số doanh nghiệp gạo .....	16
Diễn biến giá .....	16

---

## DỰ BÁO

---

## CHÍNH SÁCH

Chính sách các nước .....	22
Chính sách trong nước .....	23

---

## CÔNG NGHỆ, GIỐNG LÚA MỚI



# TÌNH HÌNH THẾ GIỚI



## TÌNH HÌNH SẢN XUẤT

Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO) cho biết sản lượng sản xuất gạo thế giới trong tháng 5 đạt 43,1 triệu tấn, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước.

Theo tính toán của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng sản xuất gạo toàn cầu tháng 5 ước khoảng 41,5 triệu tấn, giảm 0,3% so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh đó, Hội đồng ngũ cốc quốc tế (IGC) ước tính sản xuất gạo toàn cầu tháng 5 ở mức 42 triệu tấn, tăng 0,8% với tháng 4/2018.

**FAO** **43,1**  
TRIỆU TẤN

**USDA** **41,5**  
TRIỆU TẤN

**IGC** **42**  
TRIỆU TẤN

**Cung cầu gạo thế giới của USDA niên vụ 2018/19 trong tháng 6/2019**

(Nguồn: VITIC/USDA Đơn vị: triệu tấn)

Thị trường hệ trường	Dự trữ đầu vụ	Cung		Tiêu thụ		Dự trữ cuối vụ
		Sản lượng	Nhập khẩu	Nội địa	Xuất khẩu	
Thế giới	170,21	497,62	44,45	495,95	47,18	171,87
Thế giới trừ TQ	55,71	351,62	40,95	351,25	43,88	55,87
Mỹ	1,82	6,29	0,93	4,22	3,18	1,64
Các TT còn lại	168,39	491,33	43,52	491,73	44,01	170,23
TT XK chủ yếu	31,71	184,7	0,66	149	35,1	32,97
Burma	0,87	13,3	0,01	10,5	2,6	1,08
Ấn Độ	25	115	0	102	12	26
Pakistan	1,32	7,5	0	3,6	4	1,22
Thái Lan	3,37	20,9	0,25	10,9	10	3,62
Việt Nam	1,15	28	0,4	22	6,5	1,05
TT NK chủ yếu	126,63	241,28	16,68	252,81	3,71	128,07
Trung Quốc	114,5	146	3,5	144,7	3,3	116
EU-27	1,1	2,04	2	3,75	0,3	1,09
Indonesia	3,66	37,4	0,5	38	0	3,56
Nigeria	1,09	4,9	2,4	7,3	0	1,09
Philippines	3,39	12,2	2,7	14,45	0	3,84
Trung Đông	0,87	2,03	3,88	6,06	0	0,73
TT khác						
Brazil	0,28	7,34	0,9	7,65	0,55	0,33
Trung Mỹ và Caribê	0,67	1,64	1,83	3,43	0,04	0,67
Ai Cập	1,09	3,05	0,6	3,9	0,01	0,83
Nhật Bản	1,95	7,7	0,69	8,48	0,06	1,79
Mexico	0,22	0,2	0,79	0,91	0,1	0,2
Hàn Quốc	1,07	3,88	0,41	4,5	0,06	0,81

**Thái Lan**

Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan (TREA) ước tính xuất khẩu gạo tháng 5 của nước này ở mức 9,5 triệu tấn, giảm khoảng 14% so với cùng kì, theo báo cáo của Bloomberg.

**5 TRIỆU TẤN**  **14% SO VỚI CÙNG KÌ**

Xuất khẩu gạo giảm do đồng bath Thái mạnh, nhu cầu từ các nước châu Phi giảm và cạnh tranh với Trung Quốc. TREA dự đoán Indonesia, Malaysia và Philippines sẽ giảm nhập khẩu. Bộ Thương mại Thái Lan mại nhắm đến mục tiêu hơn 10 triệu tấn gạo xuất khẩu trong năm nay

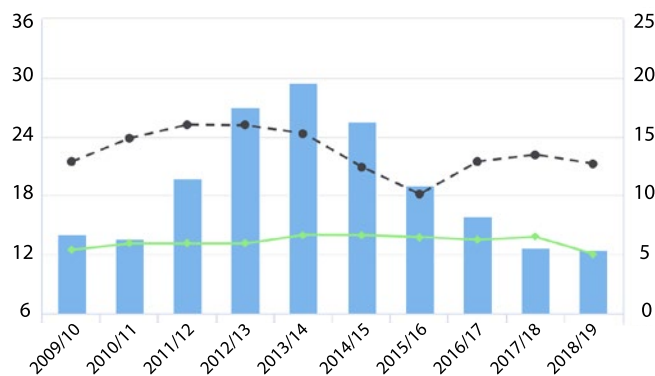
Trong khi đó, ngày 15/5, Vụ trưởng Bộ Ngoại thương Thái Lan Adul Chotinisakorn cho biết, Bộ Thương mại Thái Lan vẫn khẳng định những người mua và nhà nhập khẩu tiềm năng tự tin vào chất lượng của gạo Thái.

Theo ông Adul, Thái Lan tập trung vào gạo chất lượng cao và gạo đặc sản như gạo thơm hom mali, gạo màu với đặc tính đặc biệt và gạo hữu cơ, đều có giá xuất khẩu cao.

Những sản phẩm sáng tạo từ gạo đã được phát triển với công nghệ hiện đại, ông Adul cho hay.

"Thái Lan là một trong những nhà xuất khẩu gạo hàng đầu của thế giới trong hơn ba thập kỉ. Gạo Thái, được coi là một trong những loại gạo chất lượng tốt nhất thế giới, đã xuất khẩu các quốc gia trên thế giới, chiếm tới 20 - 25% thị trường toàn cầu, tạo ra thu nhập trung bình hàng năm hơn 150 tỉ baht", ông nói thêm.

**Dự báo xuất khẩu gạo của Thái Lan năm 2019**



(Nguồn: Hệ thống thông tin thị trường nông nghiệp – AMIS, đơn vị: triệu tấn)

**Myanmar**

Theo tin từ Reuters, Myanmar có kế hoạch xuất khẩu số lượng gạo có giá trị 500 triệu USD sang Trung Quốc vào cuối năm 2019, theo một thỏa thuận thương mại giữa hai bên.



Theo ông U Aung Htoo, Thứ trưởng Bộ Thương mại Myanmar, một báo cáo của tỉnh Côn Minh (Trung Quốc) cho hay quốc gia này dự định nhập khẩu số máy móc và thiết bị có giá trị tương đương từ Trung Quốc.

Cũng theo ông U Aung Htoo, để thực hiện kế hoạch trên, Myanmar sẽ xuất khẩu 100.000 tấn gạo sang thị trường Trung Quốc thông qua đường biển vào tháng 10/2019 theo thỏa thuận cấp chính phủ cũng như chương trình hợp tác giữa Côn Minh và Yangon.

Myanmar xuất khẩu khoảng 60% sản lượng gạo sang thị trường Trung Quốc, trong khi các nước châu Á khác, các nước thành viên Liên minh châu Âu (EU) và một số nước châu Phi cũng có nhu cầu nhập khẩu gạo của quốc gia Đông Nam Á này.



Trước đó vào đầu năm 2019, Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo trong thời gian tới, Myanmar có thể đối mặt với những rủi ro kinh tế liên quan đến vấn đề khủng hoảng người Rohingya, tình trạng mất cân đối kinh tế vĩ mô, khả năng EU bãi bỏ Hệ thống ưu đãi phổ cập (GSP) dành cho quốc gia Đông Nam Á này và kinh tế toàn cầu có thể sẽ tăng chậm lại.

### Ấn Độ

Theo ước tính lần thứ ba từ Bộ Nông nghiệp Ấn Độ, tổng sản lượng lương thực ngũ cốc của nước này có thể đạt 283,3 triệu tấn trong tháng 5 bất chấp lượng mưa gió mùa thấp.



Cụ thể, sản lượng gạo và lúa mì của Ấn Độ ghi nhận mức cao mới với tổng sản lượng lương thực trong năm 2018 - 2019 lên tới 283,37 triệu tấn, dù vẫn thấp hơn so với 285 tấn lương thực được sản xuất trong năm trước, theo ước tính thứ ba được Bộ Nông nghiệp Ấn Độ công bố hôm 3/6.

Mặc dù lượng mưa gió mùa thấp hơn, sản lượng gạo ước đạt 115,63 tấn, tăng gần 2,5% so với 112,76 tấn được sản xuất trong năm 2017 - 2018; trong khi sản lượng lúa mì lần đầu tiên vượt mốc ba chữ số lên 101,2 triệu tấn nhờ một mùa đông thuận lợi, kéo dài. Theo ước tính cuối cùng cho mùa vụ năm trước, sản lượng lúa mì năm 2017 - 2018 là 99,87 triệu tấn. Tuy nhiên, tổng sản lượng đã giảm gần 1,65 triệu tấn so với năm ngoái vì hiệu suất mờ nhạt của ngũ cốc thô và đậu, theo The Hindu Business Line. Sản lượng ngũ cốc thô dự kiến giảm xuống 43,33 triệu tấn, thấp hơn khoảng 9% so với năm 2017 - 2018.

Một sự giảm trên diện rộng về sản lượng đối với hầu hết ngũ cốc thô gồm kê, ngô. Sản lượng đậu ước giảm 8,7% xuống 23,22 triệu tấn từ mức kỉ lục 25,42 triệu tấn ghi nhận trong năm trước. Sản lượng của hầu hết loại đậu lớn đều giảm.

### Campuchia

Theo một báo cáo được Tân Hoa Xã trích ngày 16/5, Campuchia đã xuất khẩu 95.066 tấn gạo xay xát sang Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2019, tăng 66% so với cùng kì năm ngoái.



Trung Quốc vẫn là nước mua gạo hàng đầu của Campuchia trong 4 tháng đầu năm nay, chiếm 44,5% tổng xuất khẩu gạo của Campuchia.

Campuchia đã xuất khẩu 213.763 tấn gạo sang 46 quốc gia và khu vực trong 4 tháng đầu năm nay, tăng 8,3% so với cùng kì năm ngoái. Báo cáo lưu ý Campuchia đã xuất khẩu 65.552 tấn gạo sang các thị trường châu Âu trong giai đoạn này, giảm 34% bởi vì vào tháng 1, Liên minh châu Âu (EU) đã áp thuế ba năm đối với nhập khẩu gạo từ Campuchia nhằm hạn chế nhập khẩu gạo tăng từ quốc gia này và để bảo vệ các nhà sản xuất châu Âu.

**TÌNH HÌNH TIÊU THỤ**

Theo tính toán của FAO, do nhu cầu lương thực tăng nên sản lượng tiêu thụ gạo toàn cầu tháng 5 khoảng 43,2 triệu tấn, tăng 1,5 % so với cùng kì năm trước.

Còn USDA ước tính sản lượng tiêu thụ gạo tháng 5 ở mức 41,3 triệu tấn, tăng 0,8%.



**Nepal**

FAO dự báo sản lượng lúa gạo năm 2019 của Nepal vào khoảng 5,4 triệu tấn, tăng 1,1% so với năm 2018. Nepal đang chuẩn bị cho mùa vụ 2019 với lượng mưa cao hơn mức bình quân.



Đầu vào vật tư nông nghiệp đầy đủ và hiệu quả từ các chương trình thúc đẩy sản xuất lúa gạo chính thức dự kiến giúp nước này duy trì được diện tích gieo trồng tương tự các năm trước.

FAO dự báo nhập khẩu gạo cho năm thị trường 2019 - 2020 (tháng 7/2019 – tháng 6/2020) của Nepal vào khoảng 500.000 tấn, thấp hơn 13% so với mức bình quân, báo hiệu một vụ mùa bội thu.

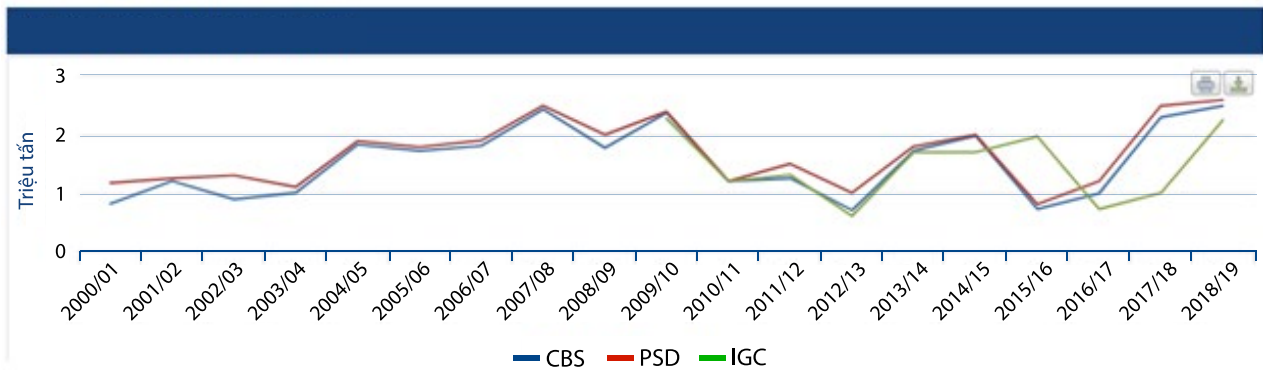
**Philippines**

Sản lượng gạo nhập khẩu tháng 5 của Philippines đạt 4,42 tấn, giảm 4,5% cùng kì năm ngoái, theo báo cáo của Cơ quan Thống kê Philippines (PSA) năm ngoái.



Sự sụt giảm này xuất phát từ sản lượng tại 11 vùng gieo trồng ở nước này tăng. Các tỉnh Cagayan Valley, Bicol Region và SOCCSKSARGEN là những khu vực sụt giảm nhiều nhất. Trong khi đó, sản lượng tại các vùng Ilocos Region, Central Luzon, Eastern Visayas, Caraga and Autonomous Region in Muslim Mindanao (ARMM) tăng.

**Dự báo nhập khẩu gạo của Philippines niên độ 2018/2019**



(Nguồn: USDA)

**EU**

Theo Oryza.com, Chủ tịch Cơ quan Lúa gạo Quốc gia Ý (ENR) lưu ý rằng lượng gạo nhập khẩu từ các quốc gia châu Á vào EU đang tăng có thể sẽ đưa đến điều khoản bảo hộ dành cho cả mặt hàng gạo japonica.

Gần đây, EU đã áp dụng điều khoản bảo hộ đối với gạo india nhập khẩu có xuất xứ từ Campuchia và Myanmar.

“Chúng tôi yêu cầu Ủy ban châu Âu không để chúng tôi phải chờ đợi thêm nữa trong việc áp dụng điều khoản bảo hộ đối với gạo japonica, vốn là loại gạo sản xuất truyền thống trong khu vực”, Chủ tịch ENR cho biết.

Theo dữ liệu nhập khẩu gạo của Cơ quan Hải quan châu Âu (EC) trong năm **mùa vụ 2018-2019** kết thúc vào ngày 30/4, **EU đã nhập khẩu 34.000 tấn gạo Japonica từ Myanmar, gần gấp đôi năm trước đó.**

Tổng lượng gạo nhập khẩu japonica từ Myanmar trong năm mùa vụ 2017 – 2018 là 27.332 tấn. Chủ tịch ENR cũng hối thúc EC phải có hành động nhanh chóng và mở cuộc điều tra nhằm đảm bảo các điều kiện cho việc bình thường hóa biểu Thuế quan chung.

**Iraq**

Theo nguồn tin từ Cục Ngũ cốc Iraq, nước này có thể nhập khẩu 150.000 tấn gạo Việt Nam với thời gian giao hàng vào giữa năm 2019.



Hiện mức giá vẫn chưa được tiết lộ, nhưng có thể cao hơn nhiều so với 120.000 tấn đầu tiên đã ký kết trong năm nay.

**Trung Quốc**

Hiệp hội Lương thực Việt Nam cho biết, sản lượng lúa gạo Trung Quốc tháng 5 được dự báo duy trì ở mức ổn định, chỉ giảm nhẹ 0,4% so với năm 2018, do nước này thay đổi hệ thống hỗ trợ, từ cấp trung ương chuyển giao cho chính quyền cấp tỉnh.



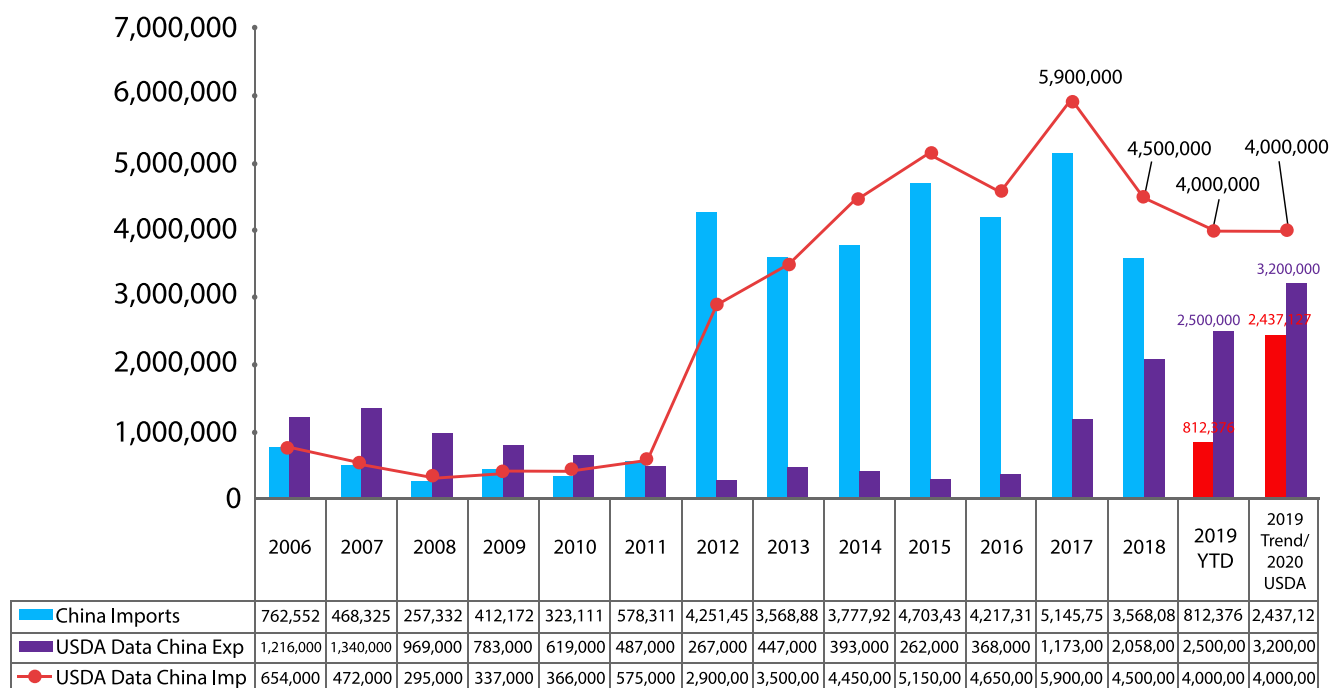
Giá gạo nội địa Trung Quốc ổn định, trong khi đồng nhân dân tệ (CNY) đang bị cuốn vào cuộc chiến thương mại với Mỹ. Việc cắt giảm tồn kho trên thị trường hàng hóa cho thấy Trung Quốc đang đẩy mạnh xuất khẩu và hạn chế nhu cầu nhập khẩu, đặc biệt đối với mặt hàng gạo.



Các nguồn cung châu Á chịu ảnh hưởng mạnh bởi nhu cầu nhập khẩu gạo suy yếu của Trung Quốc. Cụ thể, xuất khẩu gạo Việt Nam sang thị trường này giảm mạnh trong khi Campuchia và Pakistan dường như là hai nước duy nhất được kì vọng tăng. Thái Lan và Myanmar có thể mất đến 40 – 50% thị phần nếu khuynh hướng trong quý I vẫn tiếp tục duy trì cho thời gian còn lại của năm.

Số liệu ước tính USDA cho thấy nhu cầu nhập khẩu gạo trong năm 2018 và 2019 của Trung Quốc đều giảm và có khả năng sẽ kéo sang năm 2020, do chính sách và chiến lược Trung Quốc đưa ra sẽ dẫn dắt khuynh hướng trong thời gian tới. Trong quý I/2019, Trung Quốc đã nhập khẩu 812 nghìn tấn gạo; và có xu hướng nhập khoảng 2,1 – 2,3 triệu tấn gạo cho cả năm, thấp hơn nhiều so với năm 2018.

**Xuất khẩu/nhập khẩu của Trung Quốc từ 2006 đến nay**



(Nguồn: USDA, đơn vị: tấn)

USDA cũng đưa ra dự báo xuất khẩu cho thị trường Trung Quốc vào khoảng 2,5 triệu tấn cho năm 2019 và 3,2 triệu tấn năm 2020. Trong khi cạnh tranh từ các nguồn cung châu Á có thể quyết liệt hơn do nhu cầu trong chính khu vực này giảm, làm các nhà xuất khẩu gạo chuyển hướng cạnh tranh sang các khu vực khác như châu Phi và Trung Đông.

DIỄN BIẾN GIÁ

**Chỉ số giá gạo FAO (2002-04 = 100) trung bình 222 điểm vào tháng 5, tăng nhẹ so với tháng 4 và thấp hơn 2,3% so với cùng kỳ năm trước.**

Ngoại trừ gạo thơm tăng nhẹ lên 219 điểm trong tháng 5 thì các loại khác đều giảm, trong đó chỉ số gạo Nhật Bản giảm từ 265 điểm xuống 263 điểm.

**Chỉ số giá gạo tháng 5/2019**

	2015	2016	2017	2018	2018					2019					Jan.-May.		% Δ			
					May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec	Jan	Feb	Mar	Apr		May	2018	2019
	2002-2004 = 100																			
FAO All Rice Price Index	211	194	206	224	228	235	228	224	222	216	215	216	223	221	222	222	222	227	222	-2.3
Higher quality Indica Index	184	180	183	201	212	209	199	199	197	197	194	192	192	189	189	191	190	204	190	-6.8
Lower quality Indica Index	184	187	195	208	222	219	208	203	200	200	199	197	196	192	194	195	195	214	194	-9.3
Japonica Index	263	228	232	256	249	271	266	258	259	247	244	249	269	266	267	265	263	255	266	4.5
Aromatic Index	176	153	204	216	218	219	217	218	213	204	207	209	211	211	211	217	219	222	214	-3.7

(Nguồn: FAO)

**Giá một số loại gạo trên toàn cầu**

	Thai White 100% B Second grade	Thai Parboiled 100%	U.S. Long Grain #2, 4%	Thai 5%	Viet 5%	Uru 5% 1/	India 25%	Pak 25%	Thai 25%	Viet 25%	Thai A1 Super 2/	U.S. California Medium Grain #1, 4%	Pak Basmati 3/	Thai Fragrant 4/
US \$/tonne, f.o.b.														
2014	435	435	571	423	410	599	377	366	382	377	322	1 007	1 324	1 150
2015	395	392	490	386	353	541	337	318	373	334	327	857	849	1 008
2016	407	410	438	396	347	473	333	327	385	332	348	651	795	768
2017	415	421	456	398	372	499	361	350	384	351	334	673	1 131	843
2018	445	431	531	421	412	497	374	360	408	391	365	888	1 023	1 167
2018														
May	477	449	550	451	450	501	381	397	437	427	388	904	1 043	1 191
June	456	437	550	431	446	500	380	392	419	421	378	990	1 042	1 246
July	420	407	546	398	393	494	388	368	390	370	363	988	1 040	1 150
August	427	415	535	405	388	493	373	363	393	369	349	900	1 029	1 158
September	427	418	519	405	396	493	362	348	393	374	352	893	995	1 164
October	432	419	510	410	404	494	350	343	398	382	358	848	961	1 143
November	423	410	509	402	406	492	354	325	391	387	356	807	938	1 159
December	425	412	511	404	381	490	358	316	395	370	365	780	921	1 170
2019														
January	432	422	519	410	354	490	360	319	402	345	377	849	919	1 201
February	427	425	497	411	335	494	356	318	403	323	379	870	901	1 223
March	421	418	495	405	347	490	366	323	398	328	374	882	915	1 199
April	429	423	486	413	355	490	359	328	404	334	374	864	983	1 185
May	425	422	481	409	354	489	360	327	401	333	374	853	1 004	1 186
2018 Jan.-May.	466	452	539	440	426	501	385	373	425	404	373	889	1 070	1 162
2019 Jan.-May.	427	422	496	410	349	491	360	323	402	333	376	864	944	1 199
% Change	-8.5	-6.6	-8.0	-7.0	-18.0	-2.0	-6.4	-13.5	-5.4	-17.6	0.7	-2.9	-11.7	3.1

(Nguồn: FAO) Đơn vị tính :USD/tấn

Theo Reuters, giá gạo xuất khẩu của các nước lớn ở châu Á trong tháng 5 ổn định trong bối cảnh giao dịch trầm lắng.

**Bangladesh**, theo truyền thống, là nước sản xuất gạo lớn thứ tư thế giới, đã dỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu từ trước đây vào ngày 30/5. Nước này đặt mục tiêu bán tới 1,5 triệu tấn gạo, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp nước này Abdur Razzak cho biết, động thái nhằm hỗ trợ nông dân trước bối cảnh giá gạo trong nước giảm mạnh.

Trung tuần tháng 5, Bangladesh đã tăng thuế nhập khẩu gạo từ 28% lên 55% trong bối cảnh người trồng lúa phản đối.

**28% ➡ 55%**

Trong khi đó, tại **Ấn Độ**, giá gạo 5% tấm trong nửa cuối tháng 5 ở mức 364 – 367 USD/tấn, không đổi so với đầu tháng.

"Nhu cầu xuất khẩu suy yếu nhưng chúng tôi không thể giảm giá do đồng rupee tăng", ông Ashwin Shah, giám đốc Shah Nanji Nagsi Exports Pvt. Ltd, nhà xuất khẩu có trụ sở tại Nagpur ở miền trung Ấn Độ cho biết.

Tại **Thái Lan**, đồng rupee mạnh làm giảm lợi nhuận của các nhà xuất khẩu với doanh số bán hàng ra nước ngoài. Ngày 30/5, giá gạo 5% tấm của Thái Lan ở mức 385 – 402 USD/tấn, tăng nhẹ so với 385 – 400 USD/tấn vào tuần trước đó, vì nước này phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các nhà xuất khẩu khác.

Hiện nay không có các giao dịch lớn, các thương nhân cho biết, giá gạo dao động do biến động tiền tệ. "Giá gạo không thể tăng vì các nhà xuất khẩu khác bán gạo với giá rẻ hơn giá của chúng tôi và giá không thể giảm vì baht Thái mạnh", thương nhân gạo ở Bangkok nói. Đồng thời, Bộ Thương mại Thái Lan dự báo xuất khẩu gạo của nước này ở mức 10 triệu tấn trong năm nay, so với 11 triệu tấn của năm ngoái; trong khi Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo dự kiến xuất khẩu 2019 ở mức 9,5 triệu tấn.

**Giá gạo xuất khẩu của một số nước (từ 24/5-30/5)**

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	24-05	28-05	29-05	30-05
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	394 - 398	395 - 399	395 - 399	395 - 399
	5% tấm	384 - 388	385 - 389	385 - 389	385 - 389
	25% tấm	371 - 375	372 - 376	372 - 376	372 - 376
	Hom Mali 92%	1.078 - 1.082	1.083 - 1.087	1.083 - 1.087	1.083 - 1.087
	Gạo đỏ 100% Stxd	389 - 393	391 - 395	391 - 395	391 - 395
	A1 Super	354 - 358	354 - 358	354 - 358	354 - 358
VIỆT NAM	5% tấm	368 - 372	368 - 372	373 - 377	373 - 377
	25% tấm	348 - 352	348 - 352	348 - 352	348 - 352
	Jasmine	508 - 512	498 - 502	508 - 512	508 - 512
	100% tấm	318 - 322	318 - 322	318 - 322	318 - 322
ẤN ĐỘ	5% tấm	373 - 377	373 - 377	373 - 377	373 - 377
	25% tấm	343 - 347	343 - 347	343 - 347	343 - 347
	Gạo đỏ 5% Stxd	363 - 367	363 - 367	363 - 367	363 - 367
	100% tấm Stxd	308 - 312	303 - 307	303 - 307	303 - 307
PAKISTAN	5% tấm	363 - 367	368 - 372	368 - 372	368 - 372
	25% tấm	323 - 327	326 - 330	326 - 330	326 - 330
	100% tấm Stxd	303 - 307	303 - 307	308 - 312	308 - 312
MỸ	4% tấm	488 - 492	488 - 492	488 - 492	478 - 482
	15% tấm (Sacked)	463 - 467	463 - 467	463 - 467	463 - 467
	Gạo đỏ 4% tấm	513 - 517	513 - 517	513 - 517	513 - 517
	Calrose 4%	856 - 860	856 - 860	856 - 860	856 - 860

(Nguồn: Hiệp hội lương thực Việt Nam). Đơn vị tính: USD/tấn



# THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



TÌNH HÌNH SẢN XUẤT

Diện tích gieo trồng, thu hoạch

Gieo trồng

Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tính đến hết tháng 5, cả nước đã gieo cấy được 4.279,7 nghìn ha lúa, tăng 59,2 nghìn ha so với cùng kì; thu hoạch được 2.357 nghìn ha, tăng 3% cùng kì năm ngoái.



Ước năng suất lúa bình quân trên diện tích thu hoạch đạt 66,8 tạ/ha, giảm 0,57 tạ/ha; sản lượng ước đạt 15,75 triệu tấn và tăng 344,7 nghìn tấn so với cùng kì năm 2018 (do tiến độ thu hoạch lúa Đông xuân ở miền Bắc nhanh hơn cùng kì năm ngoái).

Tại các địa phương phía Bắc đã gieo cấy được 1.148,1 nghìn ha (1116,1 nghìn ha lúa Đông xuân và 31,97 nghìn ha lúa hè thu, mùa), tăng 1% cùng kì; thu hoạch được 376,7 nghìn ha; năng suất ước đạt 63,8 tạ/ha; sản lượng ước đạt 2.403 nghìn tấn, tăng 236 nghìn tấn so với cùng kì (do tiến độ thu hoạch nhanh hơn 9% so với cùng kì).

Các địa phương phía Nam gieo cấy được gần 3.132 nghìn ha (2000,4 nghìn ha lúa Đông xuân và 1.131 nghìn ha lúa Hè thu), tăng 50,3 nghìn ha; thu hoạch được hơn 1.980 nghìn ha (lúa Đông xuân), năng suất ước đạt 67,4 tạ/ha, sản lượng ước đạt 13.346 nghìn tấn và tăng 108,7 nghìn tấn so với cùng kì năm trước.

Về sản xuất lúa Đông xuân, tính đến ngày 15/5, cả nước gieo cấy được 3.116,5 nghìn ha lúa Đông xuân, bằng tăng 0,2% cùng kì năm trước. Trong đó diện tích gieo cấy tại các địa phương phía Bắc ước đạt 1.116 nghìn ha, giảm 1,9%; tại các địa phương phía Nam ước đạt khoảng 2.000 nghìn ha, tăng 1,4%.

Thu hoạch

Tại các địa phương phía Bắc, tình hình sản xuất lúa Đông xuân năm nay diễn ra trong bối cảnh thời tiết diễn biến bất thường so với những năm gần đây, mùa đông nắng ấm, mùa hè lại có mưa phùn và gió mùa. Thời tiết trái vụ gây ra hiện tượng lúa trở bông và cho thu hoạch sớm so cùng kì và làm giảm năng suất.

Theo báo cáo ước tính từ các địa phương phía Bắc, diện tích thu hoạch ước đạt 376,7 nghìn ha tăng 9,2% so với cùng kì, sản lượng tính trên diện tích thu hoạch đạt 2,4 triệu tấn, tăng 10,9%.



Tại phía Nam, tính đến cuối tháng 5 đã thu hoạch được hơn 1.980 nghìn ha lúa Đông xuân, đạt 99% diện tích xuống giống và tăng 3% so cùng kì năm trước, năng suất thu hoạch đến nay ước đạt 67 tạ/ha, sản lượng ước đạt 13,34 triệu tấn, tăng 0,8% so với cùng kì.



Vùng Đồng bằng sông Cửu Long cơ bản thu hoạch xong trên 1,6 triệu ha diện tích gieo trồng lúa Đông xuân; năng suất ước 68,3 tạ/ha, giảm 0,7 tạ/ha so với cùng kì năm trước; sản lượng đạt 10,96 triệu tấn, tăng gần 40 nghìn tấn.

**NĂNG SUẤT**  
**68,3 TẠ/HA**  **0,7 TẠ/HA**

**SẢN LƯỢNG**  
**10,96 TRIỆU TẤN**  **40**  
**NGHÌN TẤN**

Diện tích lúa Đông xuân tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long tăng chủ yếu do chuyển đổi mùa vụ từ lúa Mùa sang lúa đông Xuân tại tỉnh Cà Mau; năng suất giảm do thời tiết không thuận lợi, nắng nóng kéo dài và xảy ra trên diện rộng.

**TÌNH HÌNH SÂU, DỊCH BỆNH, THỜI TIẾT**

Theo Cục Bảo vệ Thực vật, tình hình sinh vật gây hại cây lúa trong tháng 5 diễn ra như sau:

**Rầy hại lúa:** Diện tích nhiễm 34.751 ha, tăng 1.238 ha so với kì trước, tăng 21.817 ha so với cùng kì năm trước; nhiễm nặng 4.291 ha; mất trắng 0,98 ha; diện tích phòng trừ 25.666 ha. Bệnh tập trung tại các tỉnh phía Bắc và Duyên Hải Nam Trung bộ.



**Vàng lùn, lùn xoắn lá:** Diện tích nhiễm nhẹ 260 ha, giảm 28 ha so với tuần trước, tỷ lệ phổ

biến 5 - 10% trên lúa Hè Thu ở An Giang (250 ha) và Hậu Giang (10 ha).



**Bệnh đạo ôn + Bệnh đạo ôn hại lá:** Diện tích nhiễm 10.127 ha, tăng 2.442 ha so với kì trước và phân bố chủ yếu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.



**Bệnh đạo ôn cổ bông:** Diện tích nhiễm 1.729 ha, giảm 745 ha so với kì trước và mất trắng 1.5ha và chủ yếu tập trung các tỉnh phía Bắc.





**Bệnh khô vằn:** Diện tích nhiễm 87.481 ha, giảm 13.317 ha so với kì trước và phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Bắc.



**Bệnh đen lép hạt:** Diện tích nhiễm 6.488 ha, tăng 2.711 ha so với kì trước, phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.



**Bệnh bạc lá:** Diện tích nhiễm 8.165 ha, tăng 6.205 ha so với kì trước, diện tích nhiễm nặng 1.040 ha và phân bố tập trung tại các tỉnh phía Bắc và Nam bộ.



**Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích 12.110 ha, giảm 21.443 ha so với kì trước, phòng trừ 13.402 ha và tập trung tại các tỉnh Bắc bộ và Nam bộ.



**Chuột:** Diện tích hại 5.513 ha, giảm 670 ha so với kì trước và phân bố nhiều ở các tỉnh phía Bắc và Nam bộ.



**XUẤT KHẨU**

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, khối lượng gạo xuất khẩu tháng 5 năm 2019 ước đạt 739 nghìn tấn với giá trị đạt 314 triệu USD.

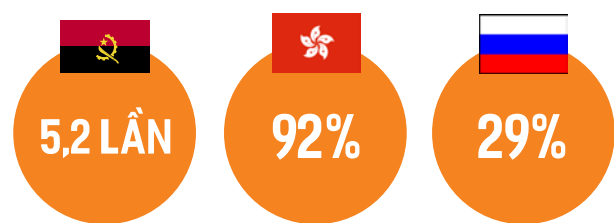
**KHỐI LƯỢNG 739 NGHÌN TẤN**

**GIÁ TRỊ 314 TRIỆU USD**

5 tháng đầu năm, khối lượng xuất khẩu ước đạt 2,83 triệu tấn và 1,21 tỉ USD; giảm 4% về khối lượng và giảm 20,7% về giá trị so với cùng kì năm 2018.

Philippines đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 4 tháng với gần 36% thị phần. Xuất khẩu gạo sang thị trường này đạt 814,5 nghìn tấn và 320,5 triệu USD; gấp 4,4 lần về khối lượng và gấp 3,9 lần về giá trị so với cùng kì năm 2018.

4 tháng đầu năm 2019, các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh là Angola (gấp 5,2 lần); Hồng Kông (tăng 92%); Bờ Biển Ngà (tăng 73%) và Nga (tăng trên 29%).



**TÌNH HÌNH THU MUA CỦA MỘT SỐ DOANH NGHIỆP GẠO**

Đối với tình hình xuất khẩu gạo cũng không mấy khả quan, trong tháng 5 các doanh nghiệp xuất khẩu gạo khoảng 739.000 tấn, giá trị 314 triệu USD.

Ngày 21/5, Cơ quan tổng hợp về hàng hóa cung ứng (GASC) cho biết đã nhận được bốn lời đề nghị cho gạo Ấn Độ, Trung Quốc và Việt Nam trong một phiên đấu thầu thu mua gạo quốc tế, theo nguồn tin từ các thương nhân.

4 công ty đã gửi hồ sơ dự thầu gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long 30.000 tấn gạo Việt Nam ± 10%; Công ty Wakalex 85.000 tấn gạo Trung Quốc ± 10%; Multitrade 60.000 tấn gạo Ấn Độ ± 10% và Al Ama 20.000 tấn gạo Trung Quốc ± 10%.

Theo các doanh nghiệp xuất khẩu, thị trường xuất khẩu gạo trên thế giới trong tháng 5 ảm đảm. Giá gạo 5% của Thái Lan dao động khoảng 385- 400 USD/tấn, trong khi gạo 5% của Ấn Độ 365 USD/tấn, của Việt Nam khoảng 350 USD/tấn... Do đó, các doanh nghiệp này đã hạn chế thu mua của người dân, ngoài ra không có nhiều hợp đồng xuất khẩu lớn trong tháng này.

**DIỄN BIẾN GIÁ**

Giá gạo xuất khẩu bình quân 5 tháng đầu năm 2019 đạt 428 USD/tấn, giảm 14,9% so với cùng kì năm 2018.

**GIÁ TRỊ 428 USD/TẤN** **↘ 14,9%**

Về giá nội địa, giá lúa, gạo tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long ổn định trong tháng qua. Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, tại An Giang, lúa tươi IR50404 duy trì ở mức 4.800 đồng/kg; lúa OM 4218 khoảng 4.800 đồng/kg; lúa OM 5451 giá 5.200 đồng/kg; gạo IR50404 khoảng 9.500 – 10.500 đồng/kg; gạo chất lượng cao 13.000 đồng/kg; gạo thơm đặc sản jasmine 13.500 đ/kg.

IR50404 <b>4.800 ĐỒNG/KG</b>	OM 4218 <b>4.800 ĐỒNG/KG</b>	OM 5451 <b>5.200 ĐỒNG/KG</b>
IR50404 <b>10.500 ĐỒNG/KG</b>	Gạo CLC <b>13.000 ĐỒNG/KG</b>	Jasmine <b>13.500 ĐỒNG/KG</b>

Tại Vĩnh Long, lúa ướt IR50404 ở mức 4.600 đồng/kg; lúa khô IR50404 giữ ở mức 5.300 đồng/kg; gạo IR50404 khoảng 12.000 đồng/kg; gạo jasmine 14.000 đ/kg.

IR50404 (ướt) <b>4.600 ĐỒNG/KG</b>	IR50404 (khô) <b>5.300 ĐỒNG/KG</b>	IR50404 <b>12.000 ĐỒNG/KG</b>
Jasmine <b>14.000 ĐỒNG/KG</b>		

Tại Bạc Liêu, lúa RVT đang thu hoạch có giá 6.000 – 6.500 đồng/kg.

Tại Kiên Giang, lúa IR50404 ổn định ở 5.500 đồng/kg; lúa OM 4218 khoảng 5.600 – 5.700 đồng/kg; lúa OM 6976 khoảng 5.500 – 5.600 đồng/kg; lúa Jasmine 6.000 – 6.100 đồng/kg.

IR50404 <b>5.500 ĐỒNG/KG</b>	OM 4218 <b>5.700 ĐỒNG/KG</b>	OM 6976 <b>5.600 ĐỒNG/KG</b>
Jasmine <b>6.100 ĐỒNG/KG</b>		

Tại Cần Thơ, lúa tươi loại thường được thương lái thu mua chỉ 4.200- 4.300 đồng/kg, lúa tươi hạt dài khoảng 4.500- 4.600 đồng/kg... giảm khoảng 800 đồng/kg trở lên so cùng kì.

Thường <b>4.300 ĐỒNG/KG</b>	Hạt dài <b>4.600 ĐỒNG/KG</b>
--------------------------------	---------------------------------



**Giá lúa gạo nội địa ở các tỉnh ĐBSCL từ 24/5-30/5**

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Long An	Tỉnh Đồng Tháp	Tỉnh Cần Thơ	Tỉnh An Giang	Tỉnh Bạc Liêu	Tỉnh Kiên Giang	Giá cao nhất	Giá BQ
<b>Lúa Tươi Tại Ruộng</b>									
Hạt dài		4.950	5.000		4.450		5.000		
Lúa thường	4.600	4.750	4.200		4.100	4.150	4.050		
<b>Lúa Khô/ Ướt Tại Kho</b>									
Hạt dài		5.850	5.850		4.600		6.000		
Lúa thường	4.800	5.650	4.850		4.225		5.100		
<b>Gạo Nguyên Liệu</b>									
Lứt loại 1	7.050	7.050	7.100		7.100		7.900	7.900	7.325
Lứt loại 2	6.425	6.850	6.275	6.200	6.175	6.050	6.100	7.050	6.400
Xát trắng loại 1		8.050					9.200	9.200	8.725
Xát trắng loại 2		7.850			7.150	7.100	7.100	8.050	7.350
<b>Phụ Phẩm</b>									
Tấm 1/2	6.550	7.350	6.250	6.250	6.400	6.150	6.300	7.350	6.529
Tấm 2/3	5.850	6.750	6.150		5.850		6.050	6.750	6.125
Tấm 3/4		6.250	5.950	5.950			5.800	6.250	6.025
Cám xát	5.450	5.450	5.050	5.150	5.050		5.100	5.450	5.275
Cám lau		5.350	5.050			5.050	5.100	5.350	5.213
<b>Gạo TPXK Không Bao Tại Mạn</b>									
5%	7.650	8.050	7.400	7.550	7.700	7.250	7.400	8.250	7.679
10%	7.600	7.950			7.600		7.300	8.150	7.663
15%	7.450	7.850	7.200	7.350	7.400	7.100		8.050	7.517
20%		7.700			7.250			7.950	7.600
25%	7.350	7.650	7.100	7.100	7.150	6.950		7.850	7.333

(Nguồn: Hiệp hội lương thực Việt Nam)

# DỰ BÁO



Theo dự báo của Cục Chế biến và Phát triển Thị trường Nông sản, trên thị trường thế giới, giá gạo diễn biến giảm trong tháng qua.

Trong đó, giá gạo Ấn Độ chạm mức thấp 7 tháng do nhu cầu yếu, gạo Thái Lan không đổi ở mức 400 USD/tấn do nhu cầu tiêu thụ ở mức thấp và thị trường được dự đoán sẽ không có giao dịch lớn trong ngắn hạn.

**Đồng thời, giá lúa gạo trong nước có thể giảm trong tháng tới do thu hoạch vụ Hè Thu khiến nguồn cung gia tăng.**



# CHÍNH SÁCH



## CHÍNH SÁCH CÁC NƯỚC



Theo Myanmar Times, Bộ Thương mại (MOC) **Myanmar** sẽ cho phép công ty nước

ngoài và liên doanh xuất khẩu các mặt hàng thực phẩm và hàng hóa cụ thể, theo công bố hôm 6/6.

Các công ty nước ngoài được những bộ có liên quan giới thiệu có thể mua hàng hóa từ nhà sản xuất trong nước và sẽ được cấp giấy phép xuất khẩu hàng hóa.

Mục đích chính sách này là để nâng cao chất lượng xuất khẩu của Myanmar và thúc đẩy nhu cầu quốc tế đối với hàng hóa địa phương, cũng như tăng thu nhập cho các nhà sản xuất trong nước.

MOC cho phép 7 mặt hàng gồm gạo, thịt và cá, cây trồng giá trị gia tăng, bột giấy và giấy, hạt giống, kim loại tinh chế, các sản phẩm trái cây bán thành phẩm hoặc thành phẩm và đồ gỗ.

Đáng chú ý, các công ty nước ngoài ở Myanmar sẽ được phép xuất khẩu gạo giá trị gia tăng và gạo tấm cũng như đậu, đậu và ngô.

Cạnh tranh có thể sẽ trở nên khốc liệt hơn đối với các nhà sản xuất trong nước khi công ty nước ngoài có nguồn vốn và mạng lưới tiếp thị lớn hơn, ông U Than Oo, thư ký của thị trường hàng hóa gạo Bayintnaung ở Yangon, cho biết.

"Mặt khác, sẽ có nhiều người mua hơn trên thị trường, điều này tốt cho nông dân và nhà sản xuất Myanmar. Động thái của chính phủ sẽ thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp, điều này rất quan trọng đối với tăng trưởng và chất lượng xuất khẩu", ông nói.



Tờ Khmer Times cho biết, Bộ trưởng Bộ nông nghiệp **Campuchia** Veng Sakhon

biết đã hoàn thành các đợt thử nghiệm trên gạo Japonica, kết quả mang lại rất khả quan. Những thử nghiệm này được thực hiện tại tỉnh Kampong Thom và năng suất của gạo Japonica thu được cao gấp đôi so với các giống khác đang trồng tại Campuchia.

Một ha trồng gạo Japonica có thể mang lại sản lượng lên đến 6,5 tấn, ông Sakhon chia sẻ trong một thông cáo trên trang Facebook của Bộ. Trung bình, một ha đất gieo trồng tại Campuchia mang lại 3,5 tấn gạo.

Các cuộc thử nghiệm trên gạo Japonica về khả năng thích ứng với đất Campuchia đã được tiến hành tại một vài tỉnh ở Campuchia từ năm 2017, ngay sau khi Bộ kí thỏa thuận với hai phòng thí nghiệm Trung Quốc là Trung tâm nghiên cứu gạo lai giống Hồ Nam (Hunan Hybrid Rice Research Centre) và Jiangsu Long An Agriculture vào tháng 1 để cùng nghiên cứu về hạt giống.



Tại **Trung Quốc**, ngày 23/5, Công ty Hợp tác Kinh tế & Kỹ thuật Quốc tế Yuguang Hà

Nam đã công bố kế hoạch xây dựng các cơ sở dự trữ gạo để thúc đẩy hoạt động xuất khẩu của Campuchia.

Ông Bi Guangmin, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Hợp tác Kinh tế & Kỹ thuật Quốc tế Yuguang Hà Nam, cho biết dự án là một phần của thỏa thuận được kí kết năm 2017 với chính phủ Campuchia, trong đó Công ty Hợp tác Kinh tế & Kỹ thuật Quốc tế Yuguang được giao nhiệm vụ xây dựng các cơ sở.

"Công ty muốn xây dựng một nhà kho và một hầm chứa. Những cơ sở này sẽ giúp tăng xuất khẩu gạo Campuchia sang thị trường quốc tế lên tới 500.000 tấn", ông Bi Guangmin nói.

Bộ trưởng Sorasak cho biết ông ủng hộ dự án, đồng thời bổ sung cơ sở sẽ giúp đa dạng hóa thị trường xuất khẩu.

Trung Quốc là thị trường lớn nhất của gạo xay xát Campuchia. Hồi tháng 1, Trung Quốc đã đồng ý tăng hạn ngạch nhập khẩu đối với gạo xay xát của Campuchia thêm 100.000 tấn, đưa hạn ngạch lên 400.000 tấn.

### CHÍNH SÁCH TRONG NƯỚC

Cuối tháng 5 vừa qua, tại Hội chợ quốc tế Thực phẩm và đồ uống Thaifex 2019, ông Nguyễn Văn Thành, Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Phước Thành IV (xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long), chia sẻ công ty đang xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, nhưng chưa đáp ứng đủ điều kiện nên phải ủy thác qua một đơn vị khác để đóng hàng.

Do phải chở hàng đến kho ủy thác khiến chi phí tăng, giá thành đội lên nên không cạnh tranh lại so với các quốc gia khác. Trong khi đó, nhiều khách hàng lại không hài lòng đối với đơn vị được ủy thác, khiến doanh nghiệp mất thị trường, mất khách hàng. “Chúng tôi phải đi tìm những thị trường khác. Để đàm phán được với họ thì phải tốn kém về thời gian, chi phí”, ông Thành than.

Đánh giá về các tiêu chuẩn để được kinh doanh xuất khẩu gạo, ông Trần Quốc Thống, Giám đốc Công ty Lương thực Bạc Liêu, cho biết yêu cầu của ngành nông nghiệp đặt ra hiện nay còn gây khó khăn cho doanh nghiệp, nhất là khối doanh nghiệp tư nhân. Về phía Lương thực Bạc Liêu hiện đã đáp ứng được các yếu tố theo quy định, song công ty đang trong quá trình cổ phần hóa, nên hoạt động chưa được ổn định. Nhà máy xay xát lúa gạo thuộc Công ty Lương thực Bạc Liêu chỉ có đơn vị ở xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân là đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định về vấn đề tạm trữ, xay xát, sấy khô... để phục vụ

Hai nhà máy còn lại đang tạm ngưng, do trong quá trình sắp xếp lại bộ máy. Thời gian qua, công ty chủ yếu cung ứng cho Tổng công ty Lương thực miền Nam, xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới như: Trung Quốc, Malaysia, Philippines, Indonesia... Để thị trường xuất khẩu rộng mở hơn, ông Thống cho rằng, ngành chức năng cần có những giải pháp và định hướng hợp lý giúp doanh nghiệp trong nước hoạt động ổn định, lớn mạnh hơn.

Trước những ý kiến này, ông Lê Thanh Hòa, Phó cục trưởng Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản, cho biết hiện mới có thị trường Trung Quốc yêu cầu và buộc các doanh nghiệp phải đáp ứng yêu cầu về kho chứa, xưởng xay xát... như quy định trên. Đối tác Trung Quốc còn kiểm tra, họ thấy đạt lúc đó doanh nghiệp mới xuất gạo sang thị trường này được.

Trong khi đó, các thị trường khó tính hơn như Mỹ hay châu Âu, tiêu chuẩn khắt khe hơn nhiều. Không phải doanh nghiệp đóng gói bao bì sạch sẽ là họ chấp nhận. Họ yêu cầu rất cao về điều kiện vệ sinh nhà xưởng, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và phải thể hiện ra thành các chỉ số.

Còn các thị trường khác, ông Hòa thông tin, doanh nghiệp vẫn làm thủ tục xuất khẩu bình thường.



# CÔNG NGHỆ, GIỐNG LÚA MỚI



Ngày 21/5, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ Hải Dương tổ chức Hội thảo đầu bờ giới thiệu giống lúa mới LTh31, Gia lộc 102 và lúa nếp NT202.

Trong đó, giống lúa LTh31 có thời gian sinh trưởng ngắn trong vụ xuân khoảng 128 - 132 ngày, thân gọn, lá đứng, chống đổ tốt, cao cây 110 - 112 cm. Tỷ lệ nhánh hữu hiệu cao, hạt nhỏ, dài, cơm trắng vị đậm, có mùi thơm. Giống lúa này bị nhẹ bệnh đạo ôn, khô vằn và rầy nâu, thích hợp nhiều chân đất, năng suất dự kiến 6,6 tấn/ha.

Giống lúa Gia lộc 102 có thời gian sinh trưởng rất ngắn khoảng 120 - 125 ngày trong vụ xuân, chịu rét tốt, thân lá gọn, cứng cây, đẻ nhánh trung bình và tập trung, chiều cao 90 - 95 cm, hạt nhỏ, dài, vàng sáng, xếp thưa, gạo trắng trong, cơm mềm, đậm và thơm, bị nhẹ đạo ôn, khô vằn và rầy nâu, năng suất dự kiến 6,3 tấn/ha.

Giống lúa nếp NT202 có thể trồng được cả hai vụ (Xuân – Mùa), thời gian sinh trưởng 130 - 135 ngày trong vụ xuân, chịu rét rất tốt, thân lá gọn, cứng cây, chống đổ tốt, đẻ nhánh trung bình nhánh hữu hiệu cao, bông dài, hạt tròn xếp xít, bị nhẹ với bệnh đạo ôn, khô vằn và rầy nâu, hạt gạo tròn, đục, bóng đẹp, xôi trắng, đậm, thơm ngon. Ước tính năng suất vụ Xuân 2019 đạt 6 tấn/ha.



**Địa chỉ:** Lầu 3 - Compa Building - 293 Điện Biên Phủ - Bình Thạnh - TP.HCM

**Chi nhánh:** Số 5 - Khu 38A Trần Phú - Ba Đình - Hà Nội

**Hotline:** 0938.189.222 **Email:** [info@vietnambiz.vn](mailto:info@vietnambiz.vn)

Vận hành bởi  VIETNEWS CORP